

多音多义字——评估

写上正确的读音。

序	词汇	读音
1.	困难	nán / nàn
2.	埋葬	mái / mán
3.	旋绕	xuán / xuàn
4.	旋风	xuán / xuàn
5.	降落伞	jiàng / xiáng
6.	天旋地转	xuán / xuàn
7.	盘旋	xuán / xuàn
8.	埋怨	mái / mán
9.	掩埋	mái / mán
10.	降服	jiàng / xiáng
11.	难度	nán / nàn
12.	灾难	nán / nàn